

T, ngày 17 tháng 11 năm 2020

Số: 23/2020/QĐST-DS

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 33/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần Q

Trụ sở chính: Tầng xx và tầng xxx, tòa nhà S, số xxA P, phường B, quận xx, TP. H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H – Giám đốc Trung tâm Quản lý nợ Khách hàng cá nhân – Khối Quản trị rủi ro – Ngân hàng Thương mại cổ phần Q

Người nhận ủy quyền: Bà Chu Thị T – Cán bộ Ngân hàng Thương mại Q.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1973 và chị Lê Thị Kim A, sinh năm 1973

Trú tại: Xóm xx, xã V, huyện T, H

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1999

Chị Nguyễn Phương T, sinh năm 1999

Chị Nguyễn Thảo V, sinh năm 2003

Cùng trú tại: Xóm xx, xã V, huyện T, H

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Anh Nguyễn Văn H và chị Lê Thị Kim A phải trả Ngân hàng Thương mại cổ phần Q tổng số tiền tính đến ngày 09/11/2020 là **782.748.871** đồng (*Bảy trăm tám mươi hai triệu, bảy trăm bốn mươi tám nghìn, tám trăm bảy mươi một đồng*). Trong đó, nợ gốc là **433.333.336** đồng (*Bốn trăm ba mươi triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi sáu đồng*), nợ lãi trong hạn là **91.263.422** đồng (*Chín mươi một triệu, hai trăm sáu mươi ba nghìn, bốn trăm hai mươi hai đồng*), nợ lãi quá hạn là **258.152.114** đồng (*Hai trăm năm mươi tám triệu, một trăm năm mươi hai đồng, một trăm mười bốn đồng*). Kể từ ngày 10/11/2020, anh Nguyễn Văn H và chị Lê Thị Kim A còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 037.HĐTD1.VIB23.15 ngày 31/3/2015 và Khế ước nhận nợ số 037.KUNN1.VIB23.15 ngày 02/4/2015 đã ký giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Q với anh Nguyễn Văn H và chị Lê Thị Kim A đối với số tiền gốc chậm trả đến thời điểm thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Trường hợp, anh Nguyễn Văn H và chị Lê Thị Kim A không trả toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Q có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 35A, tờ bản đồ số 02, diện tích 140.93m² tại xóm xx, xã V, huyện T, Thành phố H. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY 371370 do Ủy ban nhân dân huyện T, Thành phố H cấp ngày 29/01/2015 cho ông Nguyễn Văn H. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng

1233/2015 quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐTD ngày 12/9/2014 tại văn phòng công chứng H, TP. H và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải thi hành Quyết định này khi có xử lý tài sản thế chấp.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của vợ chồng anh Nguyễn Văn H và chị Lê Thị Kim A đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần Q. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì vợ chồng anh Nguyễn Văn H và chị Lê Thị Kim A vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q.

- **Về án phí:** Anh Nguyễn Văn H và chị Lê Thị Kim A phải nộp **17.655.000** đồng (*Mười bảy triệu, sáu trăm năm mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q **15.840.000** đồng (*Mười lăm triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng*) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí AA/2018/0012474 ngày 13/10/2020 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP. H;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T;
- Viện kiểm sát nhân huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đoàn Lan Hương